WEEK 13

UNIT 7: MY NEIGHBORHOOD

Period 39: Read

I. VOCABULARY:

1.	Mall (n)	Khu thương mại
2.	**Under** one roof	Dưới 1 mái nhà
3.	convenient (adj) ≠ inconvenient (adj)	tiện lợi, thuận tiện ≠ bất tiện
4.	humid (adj)	ẩm ướt
5.	comfort (n) → discomfort (n)	sự thoải mái, sự tiên nghi ≠ sự thiếu tiện nghi
6.	take ... business (v)	Cướp đi/ lấy đi công việc kinh doanh ...
7.	goods (n)	Hàng hóa
8.	offer (v)	trao tặng
9.	discuss (v)	thảo luận
10.	selection (of)	Sự lựa chọn
11.	product (n)	sản phẩm
12.	price (n)	Giá cả
13.	concern about (v)	lo lắng về
14.	organize (v) → organization (n)	tổ chức → sự tổ chức
15.	situation (n)	tình huống
16.	discount (n)	sự giảm giá
17.	facility (n)	cơ sở vật chất
18.	available (adj)	có sẵn
19.	contact (v)	liên hệ, tiếp xúc
20.	exhibition (n)	cuộc triển lãm

II. EXERCISE :

1- A _____ is a very large building containing a lot of stores and often restaurants. (mall, center, stadium, wet market)
2- The area is hot and _____ in summer. (warm, cool, cold, humid)
3- There is a bus stop near my apartment. It's very _____ for me to go to work by bus every day. (comfortable, convenient, different , difficult)
4- Some people are not happy _____ the changes. (with, about , at, of)
5- If you are a student, you can get 20% _____in this shop. (discount, effect, resident, selection)

6- The shopping mall offers a wider selection of ____. (food, shoes, vegetables, clothes, products)
7- They _____ a meeting between the students and teachers. (organized, went , came, notice)
8- People have been concerned _____ the new mall for months. (about, with, for)
9- The _____ of the small stores are worried about the new shopping mall. (shop-keepers, owners, shoppers, shop-assistants)
10- We _____ in malls because they're convenient. (shop, drive , go, walk)

III. HOMEWORK

- Learn by heart Voc.
- Do the exercises
- Prepare the next lesson: language focus.

NỘI DUNG	HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
AV8_TUAN 13_P.39 **Unit 7: MY NEIGHBORHOOD**	
BÀI HỌC : Read	- Học sinh xem tài liệu đính kèm. - Học thuộc từ vựng và hoàn thành bài tập
EXERCISE	- Học thuộc lòng từ vựng trước khi làm bài tập -Tra nghĩa những từ chưa biết